

Bản án số: 50/2022/HS-ST
Ngày 05 tháng 8 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG -TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Bút

2. Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 ngày 8 tháng 2022 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2022/TLST-HS ngày 08/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: Mai Th; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 02/5/1990; tại Đà Nẵng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn , xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Con ông: Mai Th (sn: 1968) và bà Đặng Thị G (sn: 1965); Gia đình có 03 anh em (bị cáo là con thứ nhất);

Tiền án: Ngày 13/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử và xử phạt 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 33/2013/HSST, chấp hành án trở về địa Ph ngày 23/01/2017, hiện chưa chấp hành án phí và các nghĩa vụ khác trong bản án.

Tiền sự: Chưa.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

+ Ông Lâm Thi Nh, sinh năm 1983; trú tại: Tổ phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1966; trú tại: Lê Đại Hành, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Đặng Công L, sinh năm 1989; trú tại: Thôn , xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

+ Bà Đặng Thị Kim H, sinh năm 1977; trú tại: Thôn , xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2021, Mai Th đã nghĩ ra cách gian dối nhận tiền đặt cọc từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất rồi chiếm đoạt của 02 người với tổng số tiền 309.000.000đ, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng tháng 7/2021, thông qua các mối quan hệ xã hội, ông Lâm Thi Nh thỏa thuận với Mai Th mua thửa đất số 06, tờ bản đồ số 15, diện tích 851m² ở thôn xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với giá 285.000.000đ. Sau khi được dẫn đi xem vị trí thửa đất và Th hứa hẹn đang làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vào ngày 01/10/2021, ông Lâm Thi Nh đã đặt cọc số tiền 100.000.000đ cho Mai Th tại quán cà phê Moon ở xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Tại đây các bên ký kết hợp đồng đặt cọc và thỏa thuận trong thời hạn 30 ngày sẽ ra công chứng hợp đồng. Sau khi nhận tiền từ ông Lâm Thi Nh, Mai Th bỏ nhà đi và thường xuyên vắng mặt ở địa Ph, do đến hạn nhưng không liên lạc được với Mai Th nên ông Nh làm đơn tố cáo đến Cơ quan điều tra, Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Lần 2: Cũng cách thức thủ đoạn trên, để chiếm đoạt được tiền của người khác, Mai Th nhờ Đặng Công L tìm người mua đất để bán và hứa sẽ cho L số tiền 20.000.000đ sau khi giao dịch hoàn thành. Sau đó anh L nói cho bà Đặng Thị Kim H biết việc này để tìm người mua. Vào khoảng tháng 12/2021, thông qua giới thiệu của bà H và anh L, bà Nguyễn Thị Ph liên hệ với Mai Th và thỏa thuận mua 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 15, diện tích 851m² với giá 150.000.000đ và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.538m² cùng ở thôn xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với giá 800.000.000đ. Sau khi được Th dẫn đi xem vị trí đất các thửa đất và hứa hẹn đang làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào ngày 17/12/2021, tại khu vực trước trường Ông Ích Khiêm thuộc xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, bà Ph và Th ký kết hợp đồng đặt cọc, hẹn trong vòng 30 ngày các bên tiến hành ra công chứng. Sau đó, bà Ph đặt cọc tổng số tiền 209.000.000đ. Tuy nhiên, sau khi

nhận tiền, Mai Th bỏ đi khỏi địa Ph. Sau nhiều lần liên lạc với Th không được nên bà Ph làm đơn tố cáo đến Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa Vang.

Quá trình xác minh, xác định được Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 15, diện tích 851m² được cha mẹ Mai Th là ông Mai Th và bà Đặng Thị G khai hoang để trồng cây lâu năm từ năm 1987 cho đến nay và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, thửa đất nói trên đang do UBND xã Hòa Khương quản lý và chưa giao đất cho cá nhân nào. Đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.538m², thửa đất này đã được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Th vào ngày 13/4/1996. Tuy nhiên, vào ngày 08/7/2014, ông Mai Th đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho bà Nguyễn Thị Khánh Th (sn 1990, trú tại phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng) đứng tên quyền sử dụng và tiến hành đo đạc theo bản đồ VN 2000, đã đổi thành thửa đất 102, tờ bản đồ số 15, có diện tích 2.247,6m². Hiện nay, thửa đất này đã cấp đổi tách thửa, chuyển nhượng cho nhiều người sử dụng khác nhau.

Tang vật tạm giữ:

- 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 01/10/2021 giữa bên bán Mai Th và bên nhận chuyển nhượng ông Lâm Thi Nh.

- 02 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 17/12/2021 giữa bên bán Mai Th và bên nhận chuyển nhượng bà Nguyễn Thị Ph.

Tại bản kết luận giám định số 29/KLTL-KTHS ngày 22/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an thành phố Đà Nẵng xác định “*Chữ viết, chữ ký mang tên Mai Th trong các hợp đồng đặt cọc trên là do Mai Th ký và viết ra*”

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 01/10/2021 giữa bên bán Mai Th và bên nhận chuyển nhượng Lâm Thi Nh; 02 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 17/12/2021 giữa bên bán Mai Th và bên nhận chuyển nhượng Nguyễn Thị Ph, đây là chứng cứ quan trọng nên đưa vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Lâm Thi Nh yêu cầu Mai Th trả số tiền 100.000.000đ và bà Nguyễn Thị Ph yêu cầu Mai Th trả số tiền 209.000.000đ đã chiếm đoạt. Hiện Mai Th chưa bồi thường cho người bị hại.

* Tại bản cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 01/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Mai Th về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Mai Th về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Mai Th. Đề

ngợi Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

* Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mai Th phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

* Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Mai Th từ 09 năm đến 10 năm tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Mai Th phải bồi thường cho ông Lâm Thi Nh số tiền 100.000.000đ và bà Nguyễn Thị Ph trả số tiền 209.000.000đ đã chiếm đoạt.

* Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 01/10/2021 giữa bên bán Mai Th và bên nhận chuyển nhượng Lâm Thi Nh; 02 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 17/12/2021 giữa bên bán Mai Th và bên nhận chuyển nhượng Nguyễn Thị Ph, hiện đang lưu giữ theo hồ sơ vụ án nên đề nghị tiếp tục lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

- Tại phiên tòa bị cáo Mai Th thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố là đúng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay bị cáo Mai Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Mặc dù không sở hữu các thửa đất gồm: Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 15, diện tích 851m² và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 06 diện tích 2.538m² cùng ở thôn xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2021 Mai Th vẫn gian dối nhận tiền đặt cọc bán các thửa đất trên rồi chiếm đoạt của ông Lâm Thi Nh số tiền 100.000.000đ và

chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ph số tiền 209.000.000đ rồi sau đó bỏ trốn khỏi địa Ph, tổng số tiền Mai Th Chiếm đoạt được là 309.000.000đ.

Lời khai thừa nhận của bị cáo Mai Th tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Mai Th đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Bị cáo Mai Th có nhân thân xấu, vào năm 2013 đã bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xét xử và xử phạt 04 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, sau khi chấp hành án trở về địa Ph bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi trái pháp luật nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi của bị cáo đã cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 309.000.000đ của những người bị hại của bị cáo được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 7 năm đến 15 năm thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

Vì vậy cần phải có một mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội cũng là bài học giáo dục răn đe đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 2 lần trở lên, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo mặc dù chấp hành xong bản án số 33/2013/HSST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang vào năm 2017 tuy nhiên đến nay bị cáo vẫn chưa chấp hành xong nghĩa vụ án phí và các nghĩa vụ khác trong bản án nên bị cáo chưa được xóa án tích. Do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định, không có khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về dân sự:

- Ông Lâm Thi Nh yêu cầu Mai Th trả số tiền 100.000.000đ và bà Nguyễn Thị Ph yêu cầu Mai Th hoàn trả số tiền 209.000.000đ đã chiếm đoạt.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của người bị hại là có căn cứ. Do đó cần buộc bị cáo Mai Th phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho ông Lâm Thi Nh là 100.000.000đ và trả lại cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 209.000.000đ.

[7] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 01/10/2021 giữa bên bán Mai Th và bên nhận chuyển nhượng Lâm Thi Nh; 02 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 17/12/2021 giữa bên bán Mai Th và bên nhận chuyển nhượng Nguyễn Thị Ph, đây là chứng cứ quan trọng nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[8] Đối với việc ông Đặng Công L và bà Đặng Thị Kim H là những người môi giới cho bà Nguyễn Thị Ph giao dịch, mua bán với Mai Th để được hưởng số tiền 20.000.000đ theo lời hứa của Th sau khi hoàn thành giao dịch chuyển nhượng. Tuy nhiên, ông L và bà H đều bị Th lừa dối không biết mục đích động cơ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Th nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Mai Th phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Mai Th **10** (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28 tháng 4 năm 2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 586 của Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo Mai Th phải bồi cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 209.000.000đ (hai trăm lẻ chín triệu đồng);

- Buộc bị cáo Mai Th phải bồi thường cho ông Lâm Thi Nh số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 01/10/2021 giữa bên bán Mai Th và bên nhận chuyển nhượng Lâm Thi Nh; 02 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 17/12/2021 giữa bên bán Mai Th và bên nhận chuyển nhượng Nguyễn Thị Ph.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) bị cáo Mai Th phải chịu.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: 15.450.000đ (mười lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) bị cáo Mai Th phải chịu.

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo, những người TGGT;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Sở tư pháp Tp Đà Nẵng;
- VKS nhân dân Tp Đà Nẵng;
- VKS nhân dân huyện Hòa Vang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Hòa Vang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ, VT.

Đã ký

Nguyễn Hữu Khánh

